

Kiên Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Kiên Hùng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02973 838 009 Fax:
- Email: info@kihuseavn.com Website: www.kihuseavn.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.kihuseavn.com/investor>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng và hợp nhất năm 2023.
- Văn bản giải trình cho các BCTC



Nguyễn Ngọc Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Kiên Hùng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kiên Hùng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần thứ năm ngày 13 tháng 05 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 120.909.690.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 120.909.690.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Sản xuất giống thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con - Công ty TNHH Thủy sản Aoki đang tiến hành các thủ tục phá sản, theo Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc mở thủ tục phá sản với Công ty Aoki.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Trần Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông	Trần Quốc Dũng	Thành viên
Ông	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông	Huỳnh Công Luận	Thành viên
Ông	Huỳnh Thanh Dũng	Thành viên độc lập
Ông	Trần Việt Trung	Thành viên độc lập
Bà	Lâm Thị Hương Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Trần Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Tấn Đạt	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Trương Tuyển Minh	Trưởng ban
Ông	Ngô Văn Thiện	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Trần Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
-----	----------------	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tỉnh Kiên Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng

Số: 134 /BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kiên Hùng được lập ngày 11 tháng 01 năm 2024 từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, như đã nêu tại Thuyết minh VIII.03, Công ty con - Công ty TNHH Thủy Sản Aoki đang tiến hành mở thủ tục phá sản theo Quyết định số 12/23/QĐ-AOKI của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thủy Sản Aoki. Trong năm, Công ty Cổ phần Kiên Hùng đã thực hiện trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0624-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0699-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.211.293.521	290.634.676.740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.413.288.702	7.868.293.176
1. Tiền	111		5.413.288.702	7.868.293.176
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.307.883.951	77.699.187.851
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	47.212.086.838	67.135.057.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.981.670.464	2.865.409.964
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.114.126.649	7.698.720.429
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	144.252.957.568	194.788.652.173
1. Hàng tồn kho	141		144.252.957.568	194.788.652.173
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.237.163.300	10.278.543.540
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	586.840.556	1.442.396.745
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.633.955.542	8.836.146.795
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	16.367.202	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		283.905.786.524	294.727.563.413
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		257.932.087.215	273.019.408.970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	234.583.974.532	249.144.237.291
- Nguyên giá	222		461.000.762.422	453.063.627.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.416.787.890)	(203.919.390.336)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	23.348.112.683	23.875.171.679
- Nguyên giá	228		27.460.093.338	27.460.093.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.111.980.655)	(3.584.921.659)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.851.818	89.557.818
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		68.851.818	89.557.818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.06	2.000.000.000	3.000.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.904.847.491	18.618.596.625
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	23.904.847.491	18.618.596.625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		491.117.080.045	585.362.240.153

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		282.569.774.093	344.848.918.927
I. Nợ ngắn hạn	310		217.969.774.093	245.280.989.978
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	35.568.679.802	51.900.247.690
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	7.546.390.689	2.565.807.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	47.481.709	108.914.314
4. Phải trả người lao động	314		6.931.162.007	9.699.203.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.717.618.283	826.855.055
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	107.076.050	1.100.243.550
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	157.718.016.153	173.435.639.874
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.333.349.400	5.644.078.948
II. Nợ dài hạn	330		64.600.000.000	99.567.928.949
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	-	825.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	64.600.000.000	98.685.136.364
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	57.792.585
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.547.305.952	240.513.321.226
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	208.547.305.952	240.513.321.226
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.909.690.000	120.909.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.909.690.000	120.909.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.183.241.500	2.183.241.500
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.015.010.140	51.571.185.162
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.457.896.129	38.566.504.352
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.450.436)	490.512.355
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.471.346.565	38.075.991.997
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.981.468.183	27.282.700.212
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		491.117.080.045	585.362.240.153

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Lập, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	704.730.852.678	953.050.195.674
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	406.725.813	2.277.037.216
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		704.324.126.865	950.773.158.458
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	665.273.250.316	839.018.875.818
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.050.876.549	111.754.282.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	4.634.469.152	6.418.812.488
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	20.807.532.216	19.569.675.057
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.358.552.658	16.257.665.434
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	14.233.263.359	38.304.585.142
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	17.881.768.573	21.978.930.258
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.237.218.447)	38.319.904.671
12. Thu nhập khác	31	VI.07	1.499.095.189	3.070.933.507
13. Chi phí khác	32	VI.08	2.474.042.585	6.401.059.963
14. Lợi nhuận khác	40		(974.947.396)	(3.330.126.456)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.212.165.843)	34.989.778.215
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	57.792.585	99.072.996
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(57.792.585)	(99.072.996)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.212.165.843)	34.989.778.215
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.089.066.186	38.075.991.997
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(11.301.232.029)	(3.086.213.782)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	81	2.894
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	81	2.894

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Lập, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.212.165.843)	34.989.778.215
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		28.265.451.841	30.084.631.620
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.233.495.395	(1.477.392.241)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(463.638.957)	1.965.255.082
- Chi phí lãi vay	06		16.358.552.658	16.257.665.434
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.181.695.094	81.819.938.110
- Biến động các khoản phải thu	09		29.543.680.617	(5.415.081.007)
- Biến động hàng tồn kho	10		50.535.694.605	(88.376.151.011)
- Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.038.279.113)	(1.244.675.908)
- Biến động chi phí trả trước	12		(4.430.694.677)	840.109.792
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.557.482.276)	(16.138.450.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(82.560.834)	(99.072.996)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(782.925.479)	(3.720.539.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		79.369.127.937	(32.333.922.851)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.157.424.086)	(7.459.143.181)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		223.363.636	4.539.360.271
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	31.973.601.334
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		240.275.321	600.756.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.693.785.129)	29.654.575.229

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		526.048.539.239	589.517.621.571
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(578.042.520.577)	(567.299.949.242)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.136.453.500)	(30.226.939.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(70.130.434.838)	(8.009.267.571)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.455.092.030)	(10.688.615.193)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.868.293.176	18.570.203.396
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		87.556	(13.295.027)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	5.413.288.702	7.868.293.176

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Lập, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kiên Hùng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 và thay đổi lần thứ năm ngày 13 tháng 05 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 120.909.690.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 120.909.690.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lô B4-B5, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Sản xuất giống thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

6. Số lượng nhân viên: Tại ngày 31/12/2023, Công ty và Công ty con có 436 nhân viên.

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Kiên Hùng có 03 (ba) chi nhánh và 01 (một) Công ty con kiểm soát trực tiếp.

Tổng số các Công ty con: 01 Công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.

a. Danh sách các Công ty con hợp nhất trong báo cáo

Tên đơn vị	Địa chỉ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thủy Sản Aoki	Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.	51,0%	51,0%	51,0%	51,0%

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

b. Danh sách chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng Nhà máy Bột cá Kiên Hùng	Tổ 8, ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng Nhà máy Thạnh Lộc	Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng Trang trại nuôi trồng thủy sản Kiên Hùng	Tổ 22, ấp Linh Huỳnh, Xã Linh Huỳnh, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng khoản đầu tư nắm giữ: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.



b. Các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<i>Số năm khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 20
- Máy móc thiết bị	05 - 15
- Thiết bị văn phòng	03 - 06
- Cây lâu năm	02 - 08
- Tài sản cố định khác	04 - 12

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là từ 36 đến 49 năm, và phần mềm máy tính là 05 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phân ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.



Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác ...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



19. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	500.024.395	397.157.313
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.913.264.307	7.471.135.863
Cộng	5.413.288.702	7.868.293.176

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a. Ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Jadid Agro Industries Ltd.	47.212.086.838	67.135.057.458
- Euromex Seafood	-	11.929.080.520
- Richwell Group, Inc. DBA Mafield Seafood	8.037.034.712	9.148.356.444
- Tasty Yummy Bite Co., Ltd	3.362.001.440	8.876.837.900
- Sanpo Suisan Co., Ltd	-	6.390.930.000
- Công ty TNHH Kanematsu Việt Nam	-	5.444.692.182
- Các khách hàng khác	24.124.860.000	-
	11.688.190.686	25.345.160.412

b. Dài hạn

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

- -

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a. Ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty TNHH Cơ Nhiệt Thăng Long	1.981.670.464	2.865.409.964
- PT. Lautan Mutiara Jaya	-	996.435.000
- PT. Gerbang Bahari Sejahtera	-	954.030.000
- PT. Sanjaya Internasional Fishery	706.095.000	-
- Các khách hàng khác	517.588.500	-
	757.986.964	914.944.964

b. Dài hạn

- -

Cộng

1.981.670.464	2.865.409.964
----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

4. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	1.114.126.649	-	7.698.720.429	-
- Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	216.604.249	-	237.899.429	-
- Phải thu người lao động (Tạm ứng)	170.513.600	-	6.720.612.200	-
- Phải thu khác	727.008.800	-	740.208.800	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.114.126.649	-	7.698.720.429	-

5. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	27.850.901.536	-	74.165.737.856	-
- Công cụ, dụng cụ	3.681.306.688	-	3.765.670.648	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	1.239.716.724	-
- Thành phẩm	112.720.749.344	-	115.617.526.945	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	144.252.957.568	-	194.788.652.173	-

Ghi chú:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 142.505.233.599 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng để bảo đảm các khoản nợ vay của Công ty và Công ty con (Xem thuyết minh V.15).

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
a.1 Ngắn hạn	-	-	-	-
a.2 Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam			1.000.000.000	1.000.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

Ghi chú:

(1) Đây là khoản đầu tư trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, số lượng 20.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm từ ngày 18/11/2021, lãi suất thả nổi và được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + 1%/ năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm	181.957.723.745	248.878.242.656	19.247.805.401	221.701.818	1.075.110.000	1.683.044.007	453.063.627.627
2. Số tăng trong năm	-	4.319.230.086	8.858.900.000	-	-	-	13.178.130.086
- Mua trong năm	-	4.319.230.086	8.858.900.000	-	-	-	13.178.130.086
3. Số giảm trong năm	-	4.948.565.380	-	-	-	292.429.911	5.240.995.291
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.948.565.380	-	-	-	292.429.911	5.240.995.291
4. Số dư cuối năm	181.957.723.745	248.248.907.362	28.106.705.401	221.701.818	1.075.110.000	1.390.614.096	461.000.762.422
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	56.124.508.788	137.325.533.563	7.937.914.035	221.701.818	626.688.125	1.683.044.007	203.919.390.336
2. Số tăng trong năm	7.738.570.901	17.155.289.028	2.746.695.416	-	97.837.500	-	27.738.392.845
- Khấu hao tăng trong năm	7.738.570.901	17.155.289.028	2.746.695.416	-	97.837.500	-	27.738.392.845
3. Số giảm trong năm	-	4.948.565.380	-	-	-	292.429.911	5.240.995.291
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.948.565.380	-	-	-	292.429.911	5.240.995.291
4. Số dư cuối năm	63.863.079.689	149.532.257.211	10.684.609.451	221.701.818	724.525.625	1.390.614.096	226.416.787.890
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	125.833.214.957	111.552.709.093	11.309.891.366	-	448.421.875	-	249.144.237.291
2. Tại ngày cuối năm	118.094.644.056	98.716.650.151	17.422.095.950	-	350.584.375	-	234.583.974.532

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 48.349.451.166 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 41.819.281.349 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 178.851.619.543 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 204.588.239.586 VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và Công ty con (Xem thuyết minh V.15).

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình				
1. Số dư đầu năm	8.747.343.382	18.678.362.556	34.387.400	27.460.093.338
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	8.747.343.382	18.678.362.556	34.387.400	27.460.093.338
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	-	3.550.534.259	34.387.400	3.584.921.659
2. Số tăng trong năm	-	527.058.996	-	527.058.996
- Khấu hao tăng trong năm	-	527.058.996	-	527.058.996
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	4.077.593.255	34.387.400	4.111.980.655
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
1. Tại ngày đầu năm	8.747.343.382	15.127.828.297	-	23.875.171.679
2. Tại ngày cuối năm	8.747.343.382	14.600.769.301	-	23.348.112.683

Chi tiết quyền sử dụng đất**Quyền sử dụng đất không thời hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quyền sử dụng đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 4.936 m ² .	3.703.851.607	3.703.851.607
- Quyền sử dụng đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 6.868,9 m ² .	5.043.491.775	5.043.491.775
Cộng	8.747.343.382	8.747.343.382

Quyền sử dụng đất có thời hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quyền sử dụng đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 7.366,3 m ² .	2.400.939.865	2.400.939.865
- Quyền sử dụng đất tại ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, diện tích 6.529,6 m ² .	3.264.177.130	3.264.177.130
- Quyền sử dụng đất tại ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, diện tích 51.793 m ² .	1.843.203.062	1.843.203.062
- Quyền sử dụng đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 4345,5 m ² .	11.170.042.499	11.170.042.499
Cộng	18.678.362.556	18.678.362.556

Ghi chú:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 23.348.112.683 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.875.171.679 VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và Công ty con (Xem thuyết minh V.15).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 34.387.400 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 34.387.400 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	586.840.556	1.442.396.745
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	139.436.248	326.790.327
- Chi phí lắp đặt, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	178.736.099	161.333.623
- Chi phí khác	268.668.209	954.272.795
b. Dài hạn	23.904.847.491	18.618.596.625
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	724.723.790	1.179.579.445
- Chi phí lắp đặt, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	1.794.600.612	1.854.765.645
- Chi phí thuê đất trả trước của Công ty con - Công ty TNHH Thủy sản Aoki	3.495.225.339	3.619.499.185
- Quyền sử dụng đất tại KCN Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 30.038,4 m ² (*)	9.007.309.307	9.218.418.119
- Quyền sử dụng đất tại ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, diện tích 77.524,2 m ² (**)	2.455.558.165	2.581.087.993
- Chi phí thuê đất trả trước tại chi nhánh Bột cá Kiên Hùng	6.421.230.278	
- Chi phí khác	6.200.000	165.246.238

Ghi chú:

(*) Toàn bộ quyền sử dụng đất này được thế chấp cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 17670080/2017-HĐCVDADT/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 14/01/2018 và Hợp đồng cho vay từng lần số 18202009/2018-HĐCVTL/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 20/11/2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang (Xem thuyết minh V.15).

(**) Toàn bộ quyền sử dụng đất này được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 20520008/2020-HĐCVDADT/NHCT840 - CT CP KIEN HUNG ngày 24/12/2020 (Xem thuyết minh V.15).

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
a. Ngắn hạn	35.568.679.802	35.568.679.802	51.900.247.690	51.900.247.690
- Công ty TNHH Hiếu Mẫn Ngọc	4.813.030.500	4.813.030.500	15.737.813.785	15.737.813.785
- Công ty TNHH Thương mại Chí Toàn	3.283.283.000	3.283.283.000	8.150.647.600	8.150.647.600
- Vũ Hoàng Tùng	7.456.360.265	7.456.360.265	2.467.591.500	2.467.591.500
- Công ty TNHH Thủy Sản Huỳnh Anh Phát	5.398.220.300	5.398.220.300	1.161.680.800	1.161.680.800
- Các nhà cung cấp khác	14.617.785.737	14.617.785.737	24.382.514.005	24.382.514.005
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	35.568.679.802	35.568.679.802	51.900.247.690	51.900.247.690

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán**d. Phải trả người bán là các bên liên quan**

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	7.546.390.689	2.565.807.400
- Guangzhou Luxe Seafood Enterprises Ltd.	1.615.872.650	1.613.426.600
- Công ty TNHH Hiếu Mẫn Ngọc	4.450.000.000	-
- Công ty TNHH Solar Farm Tuấn Minh	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Biển Việt	410.000.000	-
- Các khách hàng khác	70.518.039	952.380.800
b. Dài hạn	-	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
a. Phải nộp	108.914.314	1.965.591.303	2.027.023.908	47.481.709
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	65.228.203	65.228.203	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	22.181.600	22.181.600	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.768.249	57.792.585	82.560.834	-
Thuế thu nhập cá nhân	77.724.985	1.747.512.555	1.782.573.231	42.664.309
Thuế tài nguyên	6.421.080	63.876.360	65.480.040	4.817.400
Thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
b. Phải thu	-	16.367.202	-	16.367.202
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.367.202	-	16.367.202

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.717.618.283	826.855.055
- Trích trước lãi tiền vay	1.215.290.991	414.220.609
- Trích trước chi phí bán hàng	205.727.992	191.850.925
- Trích trước chi phí khác	296.599.300	220.783.521
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.717.618.283	826.855.055

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	107.076.050	1.100.243.550
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	20.869.550	14.760.950
- Phải trả khác	86.206.500	1.085.482.600
b. Dài hạn	-	825.000.000
- Nhận ký cược, ký quỹ	-	825.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá	Số phân loại lại	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	157.718.016.153	157.718.016.153	526.475.675.239	545.200.520.577	1.764.085.253	1.243.136.364	173.435.639.874	173.435.639.874
a.1 Vay ngắn hạn	156.474.879.789	156.474.879.789	526.475.675.239	544.720.520.577	1.764.085.253	-	172.955.639.874	172.955.639.874
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	(1) 22.199.627.646	22.199.627.646	166.556.284.942	200.456.386.516	219.071.381	-	55.880.657.839	55.880.657.839
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	(2) 103.355.496.039	103.355.496.039	298.197.451.978	261.206.249.272	726.222.072	-	65.638.071.261	65.638.071.261
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	(3) 30.919.756.104	30.919.756.104	61.721.938.319	83.057.884.789	818.791.800	-	51.436.910.774	51.436.910.774
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	1.243.136.364	1.243.136.364	-	480.000.000	-	1.243.136.364	480.000.000	480.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	-	-	-	480.000.000	-	-	480.000.000	480.000.000
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	(4) 1.243.136.364	1.243.136.364	-	-	-	1.243.136.364	-	-
b. Vay dài hạn	64.600.000.000	64.600.000.000	-	32.842.000.000	-	(1.243.136.364)	98.685.136.364	98.685.136.364
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	(4) 52.300.000.000	52.300.000.000	-	32.842.000.000	-	(1.243.136.364)	86.385.136.364	86.385.136.364
- Bà Đỗ Thị Cẩm Hương	(5) 11.100.000.000	11.100.000.000	-	-	-	-	11.100.000.000	11.100.000.000
- Bà Lê Thị Hương	(6) 1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	222.318.016.153	222.318.016.153	526.475.675.239	578.042.520.577	1.764.085.253	-	272.120.776.238	272.120.776.238



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0067/23/HĐK-KIHUSEA ngày 31/10/2023, hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng và/hoặc ngoại tệ (USD) tương đương, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chế biến bột cá. Thời hạn hạn mức là 12 tháng, lãi suất vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Tài sản thế chấp

Đây chuyên, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty tại Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng tại Khu công nghiệp Thanh Lộc, và Nhà máy đông lạnh tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng và tại Nhà máy Bột cá Kiên Hùng (xem thuyết minh V.07).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 11.339,8 m² (xem thuyết minh V.07, V.08).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Diện tích 6.868,9 m² (xem thuyết minh V.07, V.08).

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 23810037/2023-HĐCVHM/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 16/10/2023, hạn mức được cấp là 120 tỷ đồng hoặc ngoại tệ USD tương đương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản đông lạnh, bột cá và hoạt động nuôi trồng thủy sản (tôm) của Công ty. Thời hạn hạn mức đến 16/10/2024, lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Tài sản thế chấp

Nhà máy chế biến thủy sản và toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của Công ty tại Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng tại Khu công nghiệp Thanh Lộc (xem thuyết minh V.07).

Máy móc, thiết bị phục vụ "Dự án nuôi tôm thâm canh bán nhà kính" của Công ty tại Trang trại nuôi trồng thủy sản Kiên Hùng (xem thuyết minh V.07).

Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của Công ty tại Nhà máy Bột cá Kiên Hùng, và Nhà máy đông lạnh tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng (xem thuyết minh V.07).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích 962,5 m² (xem thuyết minh V.07, V.08).

Các quyền tài sản: khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và khoản phải thu khác có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 49.112.925.151 VND (xem thuyết minh V.02, V.03, V.04).

Vật tư, nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 141.896.309.404 VND (xem thuyết minh V.05).

Ông Trần Quốc Dũng và Bà Lâm Thị Hương Mai

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quyền sử dụng đất tại phường An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quyền sử dụng đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Quyền sử dụng đất và nhà ở tại phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(3) Khoản vay ngắn hạn bằng USD của Công ty con theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0036/23/HĐK-AOKI ngày 08/06/2023, hạn mức tín dụng là 45 tỷ đồng và/hoặc ngoại tệ (USD) tương đương. Thời hạn hạn mức đến hết ngày 07/02/2024, lãi suất vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên bảo lãnh

Công ty TNHH Thủy Sản Aoki

Tài sản thế chấp

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại ấp Tân Điền, xã Giục Trượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (xem thuyết minh V.07, V.08).

Đầy chuyền sản xuất, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty con (xem thuyết minh V.07).
Hàng tồn kho có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 608.924.195 VND (xem thuyết minh V.05).

(4) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công thương Việt Nam-Chi nhánh Kiên Giang:

Hợp đồng tín dụng số 17670080/2017-HĐCVDADT/NHCT840-CT CP KIEN HUNG ngày 14/01/2018. Số tiền vay không vượt quá 120 tỷ đồng. Thời hạn vay 84 tháng. Mục đích vay để thanh toán chi phí thực hiện dự án Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng tại KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất tại dự án này (xem thuyết minh V.08).

Hợp đồng cho vay từng lần số 18202009/2018-HĐCVTL/NHCT840-CTCP KIENHUNG ngày 20/11/2018. Thời hạn vay 6 năm. Mục đích vay để đầu tư chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản công suất 450 m³/ngày - đêm thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng công suất 3.000 tấn/năm tại Lô B4-B5, đường số 01, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất tại dự án này (xem thuyết minh V.08).

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20520008/2020-HĐCVDADT/NHCT840 - CT CP KIEN HUNG ngày 24/12/2020, thời hạn cho vay 5 năm. Hạn mức được cấp 22 tỷ đồng. Mục đích để đầu tư Dự án nuôi tôm thâm canh bán nhà kính tại tổ 22, ấp Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại dự án này (xem thuyết minh V.08).

(5) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 02/HĐVT-2021 ngày 31/12/2020 và phụ lục gia hạn kèm theo với bà Đỗ Thị Cẩm Hương để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay đến hết ngày 05/01/2027, lãi suất vay bằng lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Kiên Giang. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

(6) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 03/HĐVT-2021 ngày 22/11/2021 và phụ lục gia hạn kèm theo với bà Lê Thị Hương để bổ sung vốn đầu tư. Thời hạn vay đến hết ngày 02/01/2027, lãi suất vay 10,5%/ năm. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	120.909.690.000	2.183.241.500	29.952.526.190	57.594.777.709	30.368.913.994	241.009.149.393
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	38.075.991.997	(3.086.213.782)	34.989.778.215
- Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức	-	-	-	(30.227.422.500)	-	(30.227.422.500)
+ Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	21.618.658.972	(21.618.658.972)	-	-
+ Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.568.341.228)	-	(4.568.341.228)
+ Trích các quỹ khác	-	-	-	(571.042.654)	-	(571.042.654)
+ Trích thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	(118.800.000)	-	(118.800.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	120.909.690.000	2.183.241.500	51.571.185.162	38.566.504.352	27.282.700.212	240.513.321.226
Số dư tại ngày 01/01/2023	120.909.690.000	2.183.241.500	51.571.185.162	38.566.504.352	27.282.700.212	240.513.321.226
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	1.089.066.186	(11.301.232.029)	(10.212.165.843)
- Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ (1)	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức	-	-	-	(18.136.453.500)	-	(18.136.453.500)
+ Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	16.826.105.357	(16.826.105.357)	-	-
+ Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.086.396.383)	-	(3.086.396.383)
+ Trích các quỹ khác	-	-	-	(385.799.548)	-	(385.799.548)
+ Trích thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	(145.200.000)	-	(145.200.000)
- Sử dụng Quỹ đầu tư phát triển (2)	-	-	(28.382.280.379)	28.382.280.379	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	120.909.690.000	2.183.241.500	40.015.010.140	29.457.896.129	15.981.468.183	208.547.305.952

Ghi chú:

(1) Thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2023 số 01/23/NQ-ĐHĐCĐ/KHS ngày 27/04/2023, Công ty đã tiến hành chia cổ tức 15% trên vốn điều lệ từ lợi nhuận của năm 2022 bằng tiền.

(2) Thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường năm 2023 số 02/23/NQ-ĐHĐCĐ/KHS ngày 09/12/2023, Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để xử lý bù trừ số tiền bị lỗ của khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty TNHH Thủy Sơn Aoki trong năm 2023 với số tiền là 28.382.280.379 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	120.909.690.000	120.909.690.000
Cộng	<u>120.909.690.000</u>	<u>120.909.690.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	120.909.690.000	120.909.690.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.909.690.000	120.909.690.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	18.136.453.500	30.227.422.500

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.090.969	12.090.969
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.090.969	12.090.969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.090.969	12.090.969
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.090.969	12.090.969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.090.969	12.090.969

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	40.015.010.140	51.571.185.162

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- Đô la Mỹ (USD)	10.027,81	119.044,81
- Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Doanh thu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	702.149.258.008	938.043.397.060
- Doanh thu bán phế liệu, khác	2.581.594.670	15.006.798.614
Cộng	704.730.852.678	953.050.195.674

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chiết khấu thương mại	70.518.039	-
- Giảm giá hàng bán	336.207.774	146.537.816
- Hàng bán bị trả lại	-	2.130.499.400
Cộng	406.725.813	2.277.037.216

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	662.733.255.295	824.109.152.113
- Giá vốn phế liệu, khác	2.539.995.021	14.909.723.705
Cộng	665.273.250.316	839.018.875.818

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền gửi	240.275.321	600.756.805
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.100.545.919	4.328.303.699
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.477.392.241
- Doanh thu tài chính khác	293.647.912	12.359.743
Cộng	4.634.469.152	6.418.812.488

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí lãi vay	16.358.552.658	16.257.665.434
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.451.026.457	3.312.009.623
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	997.953.101	-
Cộng	20.807.532.216	19.569.675.057

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	14.233.263.359	38.304.585.142
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.996.202.050	34.321.035.527
- Chi phí bằng tiền khác	3.237.061.309	3.983.549.615
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	17.881.768.573	21.978.930.258
- Chi phí nhân viên quản lý	11.349.158.393	14.564.328.602
- Chi phí đồ dùng văn phòng	804.253.903	1.091.578.169
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.559.318.699	803.226.346
- Thuế, phí và lệ phí	28.096.582	34.775.357
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.027.790	47.201.754
- Chi phí bằng tiền khác	4.066.913.206	5.437.820.030

7. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	223.363.636	
- Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	6.536.364	2.954.545
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.100.000.000	3.025.000.000
- Các khoản khác	169.195.189	42.978.962
Cộng	1.499.095.189	3.070.933.507

8. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.566.011.887
- Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	24.166.660	-
- Thuế nhập khẩu không hoàn lại	-	1.069.952.648
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	11.851.380	6.701.006
- Các khoản khác	2.438.024.545	2.758.394.422
Cộng	2.474.042.585	6.401.059.963

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	539.249.906.255	726.942.719.087
- Chi phí nhân công	70.348.956.982	94.946.322.841
- Chi phí khấu hao TSCĐ	28.265.451.841	30.084.631.620
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.827.027.975	51.250.855.917
- Chi phí bằng tiền khác	30.552.540.207	33.160.425.086
Cộng	690.243.883.260	936.384.954.551

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	57.792.585	99.072.996
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	57.792.585	99.072.996

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(57.792.585)	(99.072.996)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(57.792.585)	(99.072.996)

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.089.066.186	38.075.991.997
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	108.906.619	3.086.396.383
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.090.969	12.090.969
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	81	2.894

Ghi chú:

"Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2022 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi được thông qua theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2023 ngày 27 tháng 04 năm 2023. Việc xác định lại nêu trên làm cho "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2022 tăng từ 2.834 VND/cổ phiếu thành 2.894 VND/cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 được tạm trích với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2023.

13. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.089.066.186	38.075.991.997
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	108.906.619	3.086.396.383
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.090.969	12.090.969
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	81	2.894

Ghi chú:

"Lãi suy giảm trên cổ phiếu" năm 2022 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi được thông qua theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2023 ngày 27 tháng 04 năm 2023. Việc xác định lại nêu trên làm cho "Lãi suy giảm trên cổ phiếu" năm 2022 tăng từ 2.834 VND/cổ phiếu thành 2.894 VND/cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 được tạm trích với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất: Không phát sinh.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	526.048.539.239	589.517.621.571
Cộng	526.048.539.239	589.517.621.571

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	578.042.520.577	567.299.949.242
Cộng	578.042.520.577	567.299.949.242

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN***a. Các bên liên quan*

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thủy sản Aoki	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Trần Quốc Bảo	Cùng thành viên Ban điều hành
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các cá nhân khác có liên quan	Ban điều hành

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuê dịch vụ		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Trần Quốc Bảo	98.702.779	113.063.644
Thanh toán tiền thuê dịch vụ		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Trần Quốc Bảo	153.729.870	76.951.922

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:*

Họ tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Trần Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	183.000.000	156.000.000
Trần Quốc Dũng	Thành viên HĐQT & Tổng Giám đốc	1.083.136.101	1.143.273.000
Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	940.257.841	989.911.407
Huỳnh Công Luận	Thành viên HĐQT & Giám đốc Nhà máy bột cá	895.486.175	851.732.637
Nguyễn Tấn Đạt	Phó Giám đốc Tài chính & Kế toán trưởng	517.317.895	558.479.314
Lâm Thị Hương Mai	Thành viên HĐQT độc lập	56.000.000	34.953.734
Huỳnh Thanh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	46.000.000	36.000.000
Trần Việt Trung	Thành viên HĐQT độc lập	46.000.000	36.000.000
Trương Tuyển Minh	Trưởng Ban kiểm soát	46.000.000	36.000.000
Ngô Văn Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	29.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Cán bộ Phòng Tổ chức	202.043.774	206.305.728
Cộng		4.044.241.786	4.072.655.820

*c. Số dư cuối năm với các bên liên quan***Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.10)**

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Trần Quốc Bảo

*Số cuối năm**Số đầu năm*

-

45.156.813

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	224.308.664.534	480.015.462.331	704.324.126.865
Giá vốn	211.206.835.348	454.066.414.968	665.273.250.316
Lợi nhuận thuần	13.101.829.186	25.949.047.363	39.050.876.549

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và Công ty con, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Lô B4-B5, đường số 1, Khu công nghiệp Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty con - Công ty TNHH Thủy sản Aoki đang tiến hành các thủ tục phá sản, theo Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc mở thủ tục phá sản với Công ty Aoki.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Số liệu chi tiết đầu năm của một số chỉ tiêu trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất có thể được trình bày và phân loại lại số dư để phù hợp với số liệu so sánh đến cuối kỳ theo quy định tại Chuẩn mực kế toán VAS 21.

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Đạt

Lập, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Dũng